TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 08-4-2025
V/v Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Tuấn

Ông Nguyễn Trung Vẹn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Hồng Nhả, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 43/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc "*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất* "

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 06/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị N, sinh năm: 1955; (có mặt)
Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị N: Ông Thạch Trần Thế N1, sinh năm: 1990; Địa chỉ: số G, khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 30/10/2023) (có mặt)
Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Kim Ron T – Công ty L – Đoàn luật sư thành phố H (có đơn xin vắng mặt)
- *Bị đơn*:
1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1954; (vắng mặt)
2. Bà Huỳnh Thị Hồng A, sinh năm: 1986; (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
1. Bà Huỳnh Thị K, sinh năm: 1968; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Ông Huỳnh Minh S, sinh năm: 1957; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

3. Ông Huỳnh Minh B, sinh năm: 1959; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

4. Ông Huỳnh Minh T1, sinh năm: 1961; (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Minh B1, ông Huỳnh Minh T1, bà Huỳnh Thị K, ông Huỳnh Minh S: Ông Thạch Trần Thế N1, sinh năm: 1990; Địa chỉ: số G, khóm A, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 11/03/2024, ngày 16/3/2024) (có mặt)

5. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh; Địa chỉ: Đường C tháng B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1978; (chồng bà A) (vắng mặt)

7. Bà Nguyễn Thị Hồng V1, sinh năm: 2005; (con bà A) (vắng mặt)

8. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm: 2007; (con bà A) (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Thị N và lời khai của ông T2 Trần Thế N1 là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:

Cụ Bùi Thị Á, sinh năm 1930 (chết năm 1995) và cụ Huỳnh Văn G, sinh 1920 (chết năm 1961). Cụ Á và cụ G có 07 người con gồm:

1. Huỳnh Minh K2 chết trước cụ Á có vợ là Nguyễn Thị H chết năm 2011 có con là Huỳnh Thị K (tên gọi khác Nguyễn Thị K3)

2. Huỳnh Minh T3 chết lúc nhỏ

3. Huỳnh Thị T4, sinh 1953 (chết 2018)

4. Huỳnh Thị N, sinh 1955

5. Huỳnh Minh S, sinh 1957

6. Huỳnh Minh B, sinh 1959

7. Huỳnh Minh T1, sinh 1961.

Cụ Bùi Thị Á có tạo lập thửa đất 595 có diện tích 16.250m^2 và diện tích thửa 413 có diện tích 6.800m^2, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh, khi chết cụ Á không có để lại di chúc. Đến năm 1996 bà Huỳnh Thị T4 (sống chung với cụ Á) thực hiện thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất đối với hai thửa đất nêu trên và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 373 có diện tích 10.860m^2, và thửa đất số 257 có diện tích 2.920m^2, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Năm 2018 bà Huỳnh Thị T4 chết. Hiện hai thửa đất nêu trên do ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị Hồng A (con bà Huỳnh Thị T4) đang quản lý sử dụng. Ông V với bà T4 chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, bà Hồng A là con nuôi của bà T4.

Bà Huỳnh Thị N khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 257 và thửa 373 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị T4. Yêu cầu ông V và bàAn di dời tài sản trả lại đất

công nhận thửa đất số 257 và 373 là di sản thừa kế của cụ Bùi Thị Ánh .

- Bị đơn ông Nguyễn Văn V vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

- Theo lời khai của bà Huỳnh Thị Hồng A là bị đơn trình bày:

Khi sinh thời bà ngoại bà là cụ Bùi Thị Á đã phân chia cho các con mỗi người một phần đất, còn phần đất thuộc thửa đất số 373 có diện tích 10.860m^2 và thửa đất số 257 có diện tích 2.920m^2, cùng tờ bản đồ số 6, cùng tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh là do mẹ bà là Huỳnh Thị T4 ở chung với ông bà ngoại nên phần đất này là phần của mẹ bà được hưởng, quá trình sử dụng đất mẹ bà được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật.

Đối với lời trình bày của nguyên đơn về việc bà Huỳnh Thị N cho rằng bà là con nuôi chứ không phải là con ruột của bà Huỳnh Thị T4 là không đúng, bởi vì từ nhỏ bà sống với bà T4, không ai nói bà không phải là con ruột của mẹ bà là Huỳnh Thị T4, bà sinh sống với bà T4 từ nhỏ đến khi lập gia đình thì ra ở riêng trên phần đất cạnh nhà mẹ bà hiện nay thuộc thửa 257.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 257 và thửa 373 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị T4 để chia thừa kế của cụ Bùi Thị Á bà không đồng ý.

- Theo lời khai của ông T2 Trần Thế N1 là người đại diện ủy quyền của ông Huỳnh Minh S, Huỳnh Minh B, Huỳnh Minh T1, Huỳnh Thị K thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N cùng yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị Hồng A di dời toàn bộ tài sản trên thửa đất số: 257, tờ bản đồ số: 6, diện tích 2.920m^2 tọa lạc tại: ấp L, Xã T, Huyện C, tỉnh Trà Vinh trả lại cho hàng thừa kế của bà Bùi Thị Á;

- Hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: H 562428, số vào số cấp giấy chững nhận quyền sử dụng đất số: 04514 QSDĐ/234 UBH thuộc thửa đất số: 373, tờ bản đồ số: 6, diện tích 10.860m^2 tọa lạc tại: Ấp L, Xã T, Huyện C, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/7/1996 cấp đổi giấy chứng nhận ngày 02/10/2002; Giấy chứng nhận Q sử dụng đất sô: H 562427, sô vào sô câp giây chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1836 QSDĐ/234 UBH thuộc thửa đât sô 257, tờ bản đồ số: 6, diện tích 2.920m2 tọa lạc tại: Ấp L, Xã T, Huyện C, tỉnh Trà Vinh do Uy ban nhân dân huyện C cấp ngày 04/7/1996 cấp đổi giấy chứng nhận ngày 02/10/2002;

- Công nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích thực đo: 12.604,8m^2 thuộc các thửa đất 257, 373, cùng tờ bản đồ số 6, đất cùng tọa lạc tại: Ấp L, Xã T, huyện C là di sản thừa kế của bà Bùi Thị Ánh .

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh về vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Cụ Bùi Thị Á, sinh năm 1930 (chết năm 1995) và cụ Huỳnh Văn G, sinh 1920 (chết năm 1961). Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Á và cụ G gồm: Huỳnh Thị K là người thừa kế thế vị, Huỳnh Thị T4 (chết 2018 có người thừa kế là Huỳnh Thị Hồng A); Huỳnh Thị N, Huỳnh Minh S, Huỳnh Minh B, Huỳnh Minh T1. Di sản của cụ Á và cụ G để lại gồm: Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 6, diện tích

10.860m^2 và thửa đất số 257, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.920m^2 tọa lạc tại: ấp L, Xã T, Huyện C, tỉnh Trà Vinh. Năm 1995 cụ Á chết năm 1996 bà T4 đăng kí kê khai được cấp quyền sử dụng đất nhưng không được các hàng thừa kế của cụ Á đồng ý nên việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất cho bà T4 là không đúng pháp luật bà N yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử giao hai thửa đất nêu trên cho các thừa kế của cụ G và cụ Á quản lý sử dụng.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thẩm định, định giá: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Huỳnh Thị N khởi kiện ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị Hồng A tranh chấp yêu cầu di dời tài sản, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu xác định di sản thừa kế, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N.

[3] Về hàng thừa kế:

Cụ Bùi Thị Á, sinh năm 1930 (chết năm 1995) và cụ Huỳnh Văn G, sinh 1920 (chết năm 1961). Cụ Á và cụ G có 07 người con gồm:

1. Huỳnh Minh K2 chết trước cụ Á có vợ là Nguyễn Thị H (chết năm 2011) có con là Huỳnh Thị K (Nguyễn Thị K3) là người thừa kế thế vị của Huỳnh Minh K2.
2. Huỳnh Minh T3 chết lúc nhỏ
3. Huỳnh Thị T4, sinh 1953 (chết 2018)
4. Huỳnh Thị N, sinh 1955
5. Huỳnh Minh S, sinh 1957
6. Huỳnh Minh B1, sinh 1959
7. Huỳnh Minh T1, sinh 1961.

Cụ Á và cụ G không có con nuôi hay con riêng hàng thừa kế thứ nhất của cụ Á và cụ G gồm có: Huỳnh Thị T4, Huỳnh Thị N, Huỳnh Minh S, Huỳnh Minh B, Huỳnh Minh T1 và người thừa kế thế vị của ông Huỳnh Minh K2 là Huỳnh Thị K (Nguyễn Thị K3).

Bà Huỳnh Thị T4 chết năm 2018 có chồng là ông Nguyễn Văn V, ông V và bà T4 chung sống với nhau cách nay khoảng 10 năm không có đăng ký kết hôn. Theo quy định Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 ông V và bà T4 sống chung như vợ chồng và không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận có quan hệ hôn nhân để chia thừa kế.

Bà Huỳnh Thị Hồng A được bà T4 nhận nuôi từ nhỏ, nhưng không thực hiện đăng ký con nuôi theo luật nuôi con nuôi năm 2010. Bà H1 An sinh 1986 được bà T4 nuôi trước khi ban hành Luật nuôi con nuôi năm 2010 nên bà Hồng A là con hợp pháp của bà T4 nên được hưởng di sản thừa kế của bà T4 chết để lại. Như vậy hàng thừa

kế thứ nhất của bà T4 là bà Huỳnh Thị Hồng A.

[4] Về thời hiệu thừa kế:

Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015. Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản. Cụ Á chết năm 1995 bà N yêu cầu xác định di sản thừa kế là quyền sử dụng đất là còn thời hiệu nên được xem xét giải quyết. Cụ Huỳnh Văn G, sinh 1920 (chết năm 1961) đến năm 2024 bà N mới yêu cầu xác định di sản thừa kế là hết thời hiệu chia thừa kế di sản của cụ G. Tuy nhiên, trong vụ án không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu. Căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự xác định di sản của cụ G và cụ Á để lại được chia đều cho các đồng thừa kế.

[5] Di sản thừa kế:

Bà Huỳnh Thị N, Huỳnh Minh S, Huỳnh Minh B, Huỳnh Minh T1 đều khai thửa đất số: 373 diện tích 10.860m^2 và thửa đất số 257 diện tích 2.920m^2 là di sản của cụ Á chết để lại. Bà Hồng A cũng thừa nhận các thửa đất này có nguồn gốc là của cụ Á. Theo lời khai của chính quyền địa phương hai thửa đất nêu trên cũng là của cụ Á và cụ G, bà T4 ở chung với cụ Á nên đăng ký được cấp quyền sử dụng đất. Theo phiếu cung cấp thông tin ngày 13/01/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai thể hiện theo tư liệu năm 1983 cụ Bùi Thị Á có đăng ký sử dụng thửa đất số 413 diện tích 6.800 m^2 loại đất TM và tửa 595 diện tích 16.250 m^2 loại đất lúa, năm 1997 bà Huỳnh Thị T4 được cấp quyền sử dụng đất thửa 257 diện tích 2.920 m^2 và thửa 373 diện tích 10.860 m^2. Theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của bà Huỳnh Thị T4 (BL 227) bà T4 khai nguồn gốc đất là của ông bà. Như vậy có cơ sở xác định hai thửa đất này là di sản của cụ Bùi Thị Á và cụ Huỳnh Văn G chết để lại. Theo quy định của pháp luật thì cụ Á và cụ G có phần quyền ngang nhau đối với khối tài sản chung vợ chồng mỗi người có quyền đối với 1/2 tài sản chung). Do cụ Á và cụ G đều đã chết nên phần tài sản của mỗi người chuyển thành di sản thừa kế.

[6] Theo phân tích ở trên thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Huỳnh Văn G đã hết. Mặc dù bà N và bà Hồng A không có ai yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện nhưng chị Hồng A không đồng ý chia di sản. Bà Hồng A cho rằng hai thửa đất này bà T4 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất nên bà được thừa hưởng. Theo hồ sơ cung cấp của Văn phòng đăng ký đất thể hiện nguồn gốc đất là của cụ Á; Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T4 thửa 257 cấp ngày 04/7/1996 và thửa 373 cấp ngày 02/10/2002 không thể hiện có giấy tờ chuyển dịch tặng cho từ cụ Á sang cho bà T4. Theo giấy chứng tử của cụ Á tại Bút lụt số 150 thể hiện cụ Bùi Thị Á chết ngày 28/10/1995. Bà T4 đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/7/1996 sau khi cụ Á mất. Hai thửa đất bà T4 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là di sản của cụ Á và cụ G nhưng không được các thừa kế của cụ Á và cụ G thống nhất cho bà T4 được hưởng nên việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất cho bà Huỳnh Thị T4 là không đúng quy định của pháp luật.

[7] Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị N, Huỳnh Minh S, Huỳnh Minh B, Huỳnh Minh T1 và người thừa kế thế vị của ông Huỳnh Minh K2 là bà Nguyễn Thị K3 yêu cầu xác định toàn bộ thửa đất thuộc thửa đất số: 373, diện tích 10.860 m^2; thửa đất số

257, tờ bản đồ số: 6, diện tích 2.920m^2 là di sản của cụ Á là không có cơ sở để chấp nhận mà xác định ½ diện tích đất nêu trên là di sản thừa kế của cụ Á 1/2 là của cụ Huỳnh Văn G.

[8] Xét yêu cầu của bà Huỳnh Thị N và các thừa kế của cụ Á yêu cầu ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị Hồng A di dời tài sản trả lại di sản thừa kế. Sau khi bà T4 chết ông V và bà A là người quản lý di sản có công sức giữ gìn di sản, đồng thời bà A là thừa kế chuyển tiếp của bà T4. Bà T4 là người chung sống với cụ Á đến khi cụ mất. Trên đất có một phần nhà ở của ông V và bà T4, nhà của bà Hồng A đang ở. Khi ông V, bà N, bà A cất nhà ở trên đất các thừa kế của cụ Á không có ai ngăn cản. Hiện nay gia đình bà A và ông V không có chổ ở khác. Trong vụ án này các thừa kế của cụ Á không yêu cầu chia thừa kế nên chưa xác định phần thừa kế mỗi người được bằng bao nhiêu, công sức giữ gìn di sản cải tạo di sản của người đang quản lý di sản bằng bao nhiêu. Nên không có cơ sở buộc ông V và bà A di dời tài sản để trả lại đất.

Theo quy định tại Điều 616 Bộ luật dân sự:

1. Người quản lý di sản là người được chỉ định trong di chúc hoặc do những người thừa kế thỏa thuận cử ra.

2. Trường hợp di chúc không chỉ định người quản lý di sản và những người thừa kế chưa cử được người quản lý di sản thì người đang chiếm hữu, sử dụng, quản lý di sản tiếp tục quản lý di sản đó cho đến khi những người thừa kế cử được người quản lý di sản.

Các đương sự cũng không chỉ định người quản lý di sản; bà Hồng A là người được hưởng suất thừa kế của bà T4, nguyên đơn bà Huỳnh Thị N và ông Huỳnh Minh S, ông Huỳnh Minh B, ông Huỳnh Minh T1 yêu cầu di dời tài sản để trả lại toàn bộ di sản thừa kế là không có cơ sở để chấp nhận. Từ khi bà T4 mất đến nay ông V bà A là người quản lý di sản nên để cho bà Hồng A và ông V tiếp tục quản lý. Các đương sự có tranh chấp xin chia di sản thừa kế sẽ được giải quyết bằng vụ án khác. Trong vụ án này nguyên đơn khởi kiện và người liên quan đứng về phía nguyên đơn chỉ yêu cầu xác định di sản thừa kế mà không yêu cầu chia di sản thừa kế nên Tòa án không xem xét giải quyết việc chia di sản thừa kế .

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với các chứng cứ của vụ án nên được chấp nhận.

[10] Về lệ phí thẩm định, định giá: 9.460.045 đồng. Bà Huỳnh Thị N phải chịu 4.730.022 đồng, ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị Hồng A phải chịu 4.730.022 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, Điều 158, Điều165, Điều 224 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 612, Điều 613, Điều 616, Điều 617, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652 Bộ Luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị N;

Tuyên xử:

1. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số: H 562428, số vào số cấp giấy chững nhận quyền sử dụng đất số: 04514 QSDĐ/234 UBH thuộc thửa đất số: 373, tờ bản đồ số 6, diện tích 10.860m^2 cấp ngày 02/10/2002; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: H 562427, số vào số cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 1836 QSDĐ/234 UBH thuộc thửa đất số 257, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.920m^2 tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 4/7/1996;

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Bùi Thị Á và cụ Huỳnh Văn G gồm 06 người:

Huỳnh Thị T4 (bà T4 chết nên bà Huỳnh Thị Hồng A là người thừa kế chuyển tiếp của bà Huỳnh Thị T4), bà Huỳnh Thị N, ông Huỳnh Minh S, ông Huỳnh Minh B, ông Huỳnh Minh T1 và người thừa kế thế vị của ông Huỳnh Minh K2 là bà Huỳnh Thị K (Nguyễn Thị K3);

3. Xác định di sản thừa kế của cụ Bùi Thị Á và cụ Huỳnh Văn G gồm: Thửa đất số 373, tờ bản đồ số 6, diện tích 10.860m^2 loại đất trồng lúa và thửa đất số 257, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.920m^2 loại đất ở + cây lâu năm, tọa lạc tại ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

4. Bà Huỳnh Thị Hồng A và ông Nguyễn Văn V được quyền tiếp tục quản lý di sản thừa kế là hai thửa đất nêu trên cho đến khi các thừa kế cử được người quản lý di sản hoặc phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Người quản lý di sản có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 617, Điều 618 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn án phí sơ thẩm cho bà Huỳnh Thị N. Ông Nguyễn Văn V, bà Huỳnh Thị Hồng A mỗi người phải chịu 300.000 đồng.

6. Về lệ phí thẩm định, định giá: số tiền 9.460.045 đồng. Bà Huỳnh Thị N phải chịu 4.730.022 đồng, ông Nguyễn Văn V và bà Huỳnh Thị Hồng A phải chịu 4.730.022 đồng.

Án xử công khai có mặt đại diện nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết công khai bản án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung

Dương Thanh Tuấn **Nguyễn Trung Vẹn**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: TDS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung